TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **37**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20-01-2025.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;

2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Hồng Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 689/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 326/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 180/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Ngọc D, sinh năm 1984; thường trú: số E khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: đường G, khu dân cư T, khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Thanh P, sinh năm 1983; thường trú: số E khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:* Bà Trần Ngọc D và ông Lê Thanh P chung sống trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 45/KH/08, quyển số 01 ngày 25/3/2008.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và yêu thương nhau. Tuy nhiên một khoảng thời gian sau, vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, cãi nhau, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vì tính chất công việc, ông Lê Thanh P thường xuyên xa nhà, không thể chăm lo cho gia đình và có thời gian ngoại tình, mặc dù bà D đã cố gắng hàn gắn

nhưng không thành nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2025 đến nay. Hiện tại, bà D xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông P. Do mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà Trần Ngọc D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Lê Thanh P.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Trần Ngọc D và ông Lê Thanh P có 01 (một) con chung tên là Lê Trần Thanh Đ, sinh ngày 26/3/2008. Sau khi ly hôn, bà Trần Ngọc D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ và không yêu cầu ông P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí sơ thẩm, bà D tự nguyện chịu theo quy định của pháp luật.

** Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bao gồm: Tài liệu, chứng cứ về nhân thân, nơi cư trú của nguyên đơn, bị đơn, Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).*

** Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không có mặt tại Toà án để có ý kiến, hoặc nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Đồng thời, vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng.*

** Tại phiên tòa:* Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng, đồng thời giữ nguyên yêu cầu khởi kiện với bị đơn và yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con; bị đơn được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

* Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Ngọc D có đơn khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông Lê Thanh P có địa chỉ thường trú tại số E, khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2]. Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Đối với bị đơn ông Lê Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc D và ông Lê Thanh P tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 45/KH/08, quyển số 01 ngày 25/3/2008 là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà Trần Ngọc D xác định mâu thuẫn xảy ra giữa bà và ông Lê Thanh P đã trầm trọng, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông P đi làm xa không thể chăm sóc cho gia đình và ông P ngoại tình với người thứ ba. Bà Trần Ngọc D hiện nay sống tại đường G, khu dân cư T, khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh còn ông Lê Thanh P sống tại số E, khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh mỗi người có cuộc sống riêng không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét, trong hôn nhân vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Ngọc D và ông Lê Thanh P không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Bà Trần Ngọc D xác định không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập nhiều lần để ông Lê Thanh P tham gia làm việc, hòa giải và các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Lê Thanh P vẫn không đến Tòa để hòa giải, không có bất kỳ ý kiến đưa ra về việc mong muốn gia đình đoàn tụ. Do đó, ông P đã từ bỏ quyền trình bày của mình được pháp luật bảo vệ. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Trần Ngọc D và ông Lê Thanh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Ngọc D.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống bà Trần Ngọc D và ông Lê Thanh P có 01 (một) con chung tên Lê Trần Thanh Đ, sinh ngày 26/3/2008. Sau khi ly hôn, bà Trần Ngọc D yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đ. Căn cứ theo nguyện vọng của cháu và việc bà D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, bà D có công việc, thu nhập ổn định và cuộc sống của con chung vẫn ổn định nên để đảm bảo về vật chất, tinh thần, sự phát triển bình thường, ổn định của con. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Lê Trần Thanh Đ, sinh ngày 26/3/2008 cho bà Trần Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Ngọc D không yêu cầu ông Lê Thanh P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.4]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Ngọc D.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3]. Về án phí: Bà Trần Ngọc D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 269, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Ngọc D đối với bị đơn ông Lê Thanh P về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc D được ly hôn với ông Lê Thanh P.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận kết hôn số 45/KH/08, quyển số 01 ngày 25/3/2008 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp cho bà Trần Ngọc D và ông Lê Thanh P không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao cháu Lê Trần Thanh Đ, sinh ngày 26/3/2008 cho bà Trần Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Ngọc D không yêu cầu ông Lê Thanh P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền

yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0033997 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thu Thảo